

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HS-ST

Ngày: 12-05-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Thế Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:
Ông Lê Ngọc Trung – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 05 năm 2020, tại Toà án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 04 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Ngọc D - Sinh năm 1975; Nơi sinh: Xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 01/12; Con ông: Lê Ngọc G (Đã chết) và con bà: Hồ Thị K (Đã chết); Có vợ: Mã Thị N (Đã chết); Có 02 con; con lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự số 42 ngày 04/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án;

- Tại Bản án hình sự số 14 ngày 29/3/2004 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với 12 tháng tù tại Bản án hình sự số 42 ngày 04/12/2002 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 24 tháng tù giam. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Lê Ngọc D được Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia cho hoãn thi hành án, sau đó bị cáo được đặc xá theo quyết định số 1458/QĐ-CTN ngày 25/8/2011 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đặc xá tha tù cho người đang được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Ngày 01/9/2011 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận đặc xá miễn chấp hành hình phạt tù số 04/GCNDX cho Lê Ngọc D.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Lê Văn L** - Sinh năm 1991; Nơi sinh: Xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Văn hoá: 9/12; Con ông: Lê Văn N - Sinh năm 1969 và con bà: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1970; Có vợ: Lê Thị Q - Sinh năm 1991; Có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. **Lê Đăng S** - Sinh năm 1987; Nơi sinh: Xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi thường trú: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Văn hoá: 9/12; Con ông: Lê Đăng I - Sinh năm 1941 (đã chết) và con bà: Nguyễn Thị D - Sinh năm 1953; Có vợ: Nguyễn Thị C -sinh năm 1989; Có 02 con, lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/01/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa*: Ông Lê Khắc H - là Trợ giúp viên pháp lý của Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 7, thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (bào chữa cho các bị cáo D và Sơn)

* *Người làm chứng*: Nguyễn Đức N – Sinh năm: 1963

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

* *Người chứng kiến*: Trần Thế S – Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 58 phút ngày 08/01/2020, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Lê Văn L dùng điện thoại di động của mình lắp sim số 0988.785.866 gọi vào số điện thoại 0963.794.854 của Lê Đăng S rủ Sơn tới đến nhà Lê Ngọc D ở thôn Đ, xã P, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa sử dụng chất ma túy; Lê Đăng S đồng ý và cả hai hẹn tới gặp nhau tại nhà của Lê Ngọc D.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Đăng S đến nhà Lê Ngọc D, khoảng 10 phút sau thì Lê Văn L cũng nhà D. Tại nhà D cả 3 đối tượng (D, S và L) ngồi nói chuyện với nhau trong phòng ngủ của D. Lúc này L nói với D “ Anh còn hàng không để chịu cho em một cái năm” có nghĩa là L hỏi D có ma túy không bán chịu cho L một ít với giá 500.000đ. Thì D trả lời: “Tao hết rồi còn một ít để chơi thôi, bay về đi”. Tuy nhiên cả Sơn và L không về mà ở lại tiếp tục hỏi D về việc bán ma túy để sử dụng. Do Sơn và L nói nhiều quá nên D lấy trong

người ra một gói ma túy đã để lên bàn và nói “Còn nấy bay chơi đi rồi về”, sau đó D lấy bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá đưa cho Sơn. Sơn bóc gói ma túy bỏ vào cống thủy tinh trong bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy, sau đó dùng bật lửa ga đốt bên ngoài cống thủy tinh làm cho ma túy bốc hơi và sử dụng bằng hình thức dùng miệng ngậm ống hút nhựa của bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy hút hơi ma túy vào cơ thể. Sau khi sử dụng xong, Lê Đăng S dùng bật lửa ga đốt ma túy cho Lê Văn L sử dụng. Lê Văn L sử dụng xong thì Lê Ngọc D cầm bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy và dùng bật lửa ga tự đốt ma túy sử dụng. Khi cả ba đang sử dụng ma túy thì bị Công an xã P phát hiện bắt quả tang, lúc này Lê Ngọc D lấy gói ma túy chưa sử hết cất dấu vào trong người.

Công an xã P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tại nơi các bị can sử dụng ma túy 01 bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu xanh, trên nắp đục thủng hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa, lỗ còn lại cắm cống thủy tinh, bên ngoài có bám dính bụi khói màu đen, bên trong bám dính chất màu nâu xám. Biết không thể cất dấu được nên D đã tự nguyện lấy trong người ra 01 gói ma túy mà 3 đối tượng chưa sử dụng hết giao nộp cho Công an xã P. Sau khi bắt giữ các đối tượng Công an xã P đã lập biên bản phạm tội quả tang và niêm phong tang vật tại chỗ theo quy định, đồng thời chuyển người bị bắt và hồ sơ vụ án đến Công an huyện Tỉnh Gia để điều tra theo thẩm quyền.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng D cơ quan điều tra không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến hành vi phạm tội của các đối tượng.

Toàn bộ đồ vật tài liệu thu giữ khi bắt quả tang nghi là ma túy đã được niêm phong theo đúng quy định và gửi trưng cầu giám định chất ma túy tại phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Tại Kết luận giám định số 487/PC09 ngày 13/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận:

- Chất màu nâu xám bám dính trong cống thủy tinh thu giữ tại nơi các bị can sử dụng ma túy có tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine, không xác định được khối lượng.

- Các hạt tinh thể màu trắng bên trong túi ni lông màu trắng thu giữ của Lê Ngọc D là ma túy, có tổng khối lượng 1,914 gam, loại: Methamphetamine.

Đến 14 giờ 00 phút ngày 09/01/2020, Cơ quan điều tra Công an huyện Tỉnh Gia đã phối hợp với phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa xét nghiệm nước tiểu của người bị bắt là: Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S. Kết quả xét nghiệm thể hiện: Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S đều D tính với nhóm ma túy ATS (Amphetamine, Methamphetamine, MDMA).

Đối với vật chứng của vụ án: Trong quá trình bắt quả tang Công an xã P đã thu giữ, tạm giữ:

- 01 bật lửa ga đã qua sử dụng;

- 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng có nắp màu xanh, trên nắp đục thủng hai lỗ, một lỗ cắm ống hút nhựa, lỗ còn lại cắm cống thủy tinh, bên ngoài có bám dính bụi khói màu đen, bên trong bám dính chất màu nâu xám;

- 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng do Lê Ngọc D tự nguyện giao nộp;

- 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0988.785.866 của Lê Văn L và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0963.794.854 của Lê Đăng S;

Về xử lý vật chứng: Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã ra quyết định chuyển vật chứng của vụ án đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia để bảo quản và thi hành án gồm:

- 01 bát lửa ga đã qua sử dụng;

- Toàn bộ bao gói mở niêm phong và 01 bộ dụng cụ tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng nắp màu xanh, trên nắp đục hai lỗ, một lỗ cắm một ống nhựa, lỗ còn lại cắm cống thủy tinh; 1,641 gam các hạt tinh thể màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiên, Lại Thị Thanh Loan, Vũ Khắc Chung và các hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

- 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0988.785.866 của Lê Văn L và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0963.794.854 của Lê Đăng S;

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Lê Ngọc D tại khu vực xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia vào ngày 25/12/2019 cơ quan điều tra chưa điều tra, chứng minh được tên, tuổi, địa chỉ của người này nên đang tiếp tục điều tra và sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 55/CTr-VKS-HS ngày 01/04/2020 của VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Đăng S và Lê Văn L về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015

** Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị:*

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Đăng S và Lê Văn L.

- Mức hình phạt mà VKS đề nghị xử phạt đối với các bị cáo cụ thể như sau:

+ Lê Ngọc D từ 08 (tám) năm đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/01/2020) .

+ Lê Văn L từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/01/2020).

+ Lê Đăng S từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (09/01/2020).

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng nắp màu xanh, trên nắp đục hai lỗ, một lỗ cắm một ống nhựa, lỗ còn lại cắm công thủy tinh và 1,641 gam các hạt tinh thể màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0988.785.866 của Lê Văn L và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0963.794.854 của Lê Đăng S vì đây là phương tiện các bị cáo liên hệ với nhau để sử dụng ma túy.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm của ông Lê Khắc H, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho các bị cáo Lê Ngọc D và Lê Đăng S đề nghị HĐXX xem xét cụ thể:*

Thứ nhất: Xét về nguyên nhân, động cơ, mục đích dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo: Các bị cáo đều là những người thiếu hiểu biết pháp luật và tác hại của ma túy. Do cả nể sau khi nhiều lần bị cáo L năn nỉ nên D đã mang ma túy ra cho mọi người sử dụng. Chỉ vì muốn tìm cảm giác lạ mà bị cáo Lê Văn L đã khởi xướng và kéo theo bị cáo Sơn và bị cáo D cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội

Thứ hai: Xét về tính chất và mức độ của hành vi cũng như vai trò của bị cáo:

Bị cáo Lê Văn L là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Sơn phạm tội, còn bị cáo D là người trực tiếp sử dụng nơi ở của mình và cung cấp ma túy và các dụng cụ để mọi người sử dụng. Tổ chức sử dụng chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tuy nhiên vì một phần chưa hiểu hết được tác hại của ma túy và cũng chưa lường trước hết được hậu quả pháp lý mà bản thân các bị cáo phải gánh chịu sau khi phạm tội, đây là những tình tiết cần được xem xét áp dụng để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo khi lên mức hình phạt.

Thứ ba: Xét về nhân thân điều kiện hoàn cảnh gia đình cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

+ Bị cáo Lê Đăng S là người có nhân thân tốt, chưa từng vi phạm pháp luật, đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội, bản thân bị cáo đã có thời gian tham gia nghĩa vụ Quân sự và đã hoàn thành nhiệm vụ và trở về địa phương. Đặc biệt là bị cáo Lê Ngọc D hiện nay cả bố và mẹ cũng như vợ bị cáo đều đã chết, bị cáo có 02 con còn nhỏ, bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình vì vậy đề nghị

HĐXX xem xét khi lượng hình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang, các bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của mình nên bị cáo đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đề mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

Từ những nhận định phân tích và căn cứ nêu trên:

- Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 cho cả 02 bị cáo Lê Đăng S và Lê Ngọc D để tuyên một mức án nhẹ nhất dành cho các bị cáo, thể hiện được chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật .

- Về án phí và xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều khai và thừa nhận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 08/01/2020, tại nhà của Lê Ngọc D ở thôn Đ, xã P, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Khi các bị cáo đang có hành vi tổ chức sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an xã P phát hiện và bắt quả tang. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Đăng S và Lê Văn L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, bởi lẽ: Ma túy là một trong những đại họa mà toàn nhân loại phải đối mặt và là vấn đề đang còn nhức nhối, ám ảnh của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhận thức sâu sắc về tác hại của ma túy nên Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống ma túy cũng như quyết tâm loại trừ các tệ nạn về ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên do nhiều nguyên nhân khác

nhau nên các tội phạm về ma túy vẫn chưa giảm mà lại có chiều hướng gia tăng và diễn biến ngày càng phức tạp hơn.

Để góp phần đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tệ nạn ma túy ra khỏi đời sống xã hội ngoài công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng thì các cơ quan tiến hành tố tụng ở địa phương như: Công an, kiểm sát và Tòa án đã tăng cường, phối hợp chặt chẽ công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và tệ nạn ma túy, kiên quyết triệt xóa các tụ điểm phức tạp, không để gây bức xúc trong nhân dân. Điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, chọn các vụ án điển hình về ma túy để xét xử động nhằm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và tác hại của ma túy đối với đời sống xã hội để những người tham dự phiên tòa hiểu và rút ra bài học trong việc giáo dục con em mình về phòng tránh những hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến ma túy, góp phần nâng cao hiểu biết về kiến thức pháp luật cho người dân. Vận động nhân dân phát hiện tố giác tội phạm về ma túy nhằm góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm. Từ đó nêu cao tinh thần cảnh giác, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn dân cư để từng bước đẩy lùi và loại trừ tội phạm nguy hiểm này.

Trong vụ án này các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S đã có hành vi “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người và lan tràn tệ nạn nghiện hút.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy rằng: Đây là vụ án có nhiều bị cáo cùng thực hiện tội phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo. Cũng như phải xem xét đến nhân thân của từng bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt cho từng bị cáo phù hợp với pháp luật cụ thể:

- Lê Ngọc D là người cung cấp chất ma túy, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy và sử dụng địa điểm do D quản lý để D để sử dụng trái phép chất ma túy do đó bị cáo có vai trò thứ nhất.

- Lê Văn L là người khởi xướng việc sử dụng chất ma túy, cũng như rủ rê Lê Đăng S đến nhà của Lê Ngọc D sử dụng ma túy và là người hỏi D lấy ma túy để sử dụng, do đó bị cáo có vai trò thứ 2.

- Còn Lê Đăng S là người bỏ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy để S, D và L sử dụng và là người đốt ma túy cho S và L sử dụng do đó bị cáo có vai trò thứ 3.

[5] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng:

- * *Đối với bị cáo Lê Ngọc D:* Bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xét xử 2 lần về tội: “Trộm cắp tài sản”. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Lê Ngọc D được Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia cho hoãn thi hành án, sau đó bị

cáo được đặc xá theo quyết định số 1458/QĐ-CTN ngày 25/8/2011 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đặc xá tha tù cho người đang được hoãn chấp hành hình phạt tù. Ngày 01/9/2011 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã cấp giấy chứng nhận đặc xá miễn chấp hành hình phạt tù số 04/GCNĐX cho Lê Ngọc D. Tuy đến nay không còn là tiền án, nhưng lần này bị cáo lại phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Trong vụ án này bị cáo với vai trò đầu và phải chịu mức hình phạt cao nhất bởi bị cáo là người cung cấp chất ma túy, chuẩn bị bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy và sử dụng địa điểm để sử dụng trái phép chất ma túy. Chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật, cố tình không chịu rèn luyện, cải sửa để trở thành con người tốt mặc dù bị cáo đã được hưởng chính sách khoan hồng đặc biệt của Nhà nước. Với nhân thân và hành vi phạm tội của bị cáo, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

** Đối với bị cáo Lê Văn L:* Tiền án, tiền sự: Không; Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Trong vụ án này bị cáo có vai trò thứ hai bởi bị cáo là người khởi xướng việc sử dụng chất ma túy, cũng như rủ rê Lê Đăng S đến nhà của Lê Ngọc D sử dụng ma túy và là người hỏi D lấy ma túy để các bị cáo cùng sử dụng nên mức hình phạt của bị cáo thấp hơn so với D. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

** Đối với bị cáo Lê Đăng S:* Tiền án, tiền sự: Không; Sau khi bị bắt quả tang và tại giai đoạn đầu của điều tra thì bị cáo không thành khẩn khai báo. Nhưng đến ngày 26/02/2020 tại nhà tạm giữ Công an huyện Tĩnh Gia bị cáo đã có báo cáo gửi cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam để xin được khai báo lại với lý do: “Trong các buổi làm việc trước với cơ quan Điều tra do chưa nhận thức được hành vi phạm tội và do tâm lý lo sợ nên bị cáo đã không thành khẩn khai báo. Sau thời gian bị tạm giữ bị cáo đã suy nghĩ và được giáo dục pháp nên bị cáo đã nhận thức được tội của mình nên bị cáo mong muốn được làm việc với cơ quan điều tra để khai báo lại về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà Lê Ngọc D (có báo cáo xác nhận của cán bộ quản giáo và thủ trưởng cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam). Đến nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Trong vụ án này bị cáo có vai trò thứ ba bởi bị cáo là người bỏ ma túy vào bộ dụng cụ để các bị cáo sử dụng và là người đốt ma túy cho Sơn và L sử dụng nên mức hình phạt mà bị cáo phải chịu thấp nhất. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Với tính chất nghiêm trọng của vụ án nghi cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng nắp màu xanh, trên nắp đục hai lỗ, một lỗ cắm một ống nhựa, lỗ còn lại cắm công thủy tinh vắn 1,641 gam các hạt tinh thể màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0988.785.866 của Lê Văn L và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0963.794.854 của Lê Đăng S vì đây là phương tiện các bị cáo liên hệ với nhau để sử dụng ma túy.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015: "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 500 triệu đồng...". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S đều phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”;

Xử phạt:

1. Lê Ngọc D 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (09/01/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Lê Văn L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (09/01/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Lê Đăng S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (09/01/2020). Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ tự chế gồm: 01 chai nhựa màu trắng nắp màu xanh, trên nắp đục hai lỗ, một lỗ cắm một

ống nhựa, lỗ còn lại cắm công thủy tinh và 1,641 gam các hạt tinh thể màu trắng là các mẫu vật còn lại sau giám định.

+ Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động màu đen, hiệu Nokia đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0988.785.866 của Lê Văn L và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, viền đỏ, hiệu Masstel đã qua sử dụng, có lắp sim điện thoại số 0963.794.854 của Lê Đăng S vì đây là phương tiện các bị cáo liên hệ với nhau để sử dụng ma túy.

(Theo phiếu nhập kho số NK2020/49 ngày 05 tháng 05 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tầm Dương).

Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Ngọc D, Lê Văn L và Lê Đăng S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và trợ giúp viên pháp lý tại phiên tòa. Tuyên bố những người được quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tầm Dương;
- Công an huyện Tầm Dương;
- Chi cục THADS huyện Tầm Dương;
- Bị cáo;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Thị Hạnh